**BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

| **NGHỊ ĐỊNH****Ssố 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa** | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH****Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa** |
| --- | --- |
| *Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;* | *Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;* |
| *Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;* | *Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;* |
| *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,* | *Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,* |
| *Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.* | *Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.* |
|  | **Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa như sau:** |
| **Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP** | **1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 như sau:** |
| 2. Thẩm quyền thỏa thuận | "2. Thẩm quyền thỏa thuận |
| Sở Giao thông vận tải thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Căn cứ điều kiện cụ thể, Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân thành phố, thị xã, quận, huyện trực thuộc (sau đây gọi là cấp huyện) thỏa thuận xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý. | Ủy ban nhân dân cấp huyện thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý." |
| **Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP** | **2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:** |
| 1. Thẩm quyền công bố hoạt động | "1. Thẩm quyền thỏa thuận  |
| Cơ quan thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng, bến thủy nội địa quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này đồng thời là cơ quan có thẩm quyền công bố hoạt động cảng, bến thủy nội địa. |  |
|  | a) Bộ Giao thông vận tải thực hiện công bố hoạt động đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài; |
|  | b) Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thực hiện công bố hoạt động đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định; |
|  | c) Sở Giao thông vận tải thực hiện công bố hoạt động đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương, cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này và các trường hợp khác do Bộ Giao thông vận tải quyết định; |
|  | d) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công bố hoạt động đối với bến thủy nội địa trên địa bàn quản lý. |
| **Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP** | **3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:** |
| 4. Trình tự công bố hoạt động  | "4. Trình tự công bố hoạt động |
| a) Trước khi đưa công trình cảng, bến thủy nội địa vào khai thác, chủ cảng, bến thủy nội địa nộp trực tiếp hoặc bằng hình thức phù hợp khác 01 bộ hồ sơ đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia và cảng thủy nội địa quy định tại điểm b khoản 2 Điều 15 Nghị định này), Sở Giao thông vận tải (đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương và cảng, bến thủy nội địa quy định tại điểm c khoản 2 Điều 15 Nghị định này) đề nghị công bố hoạt động; | a) Trước khi đưa công trình cảng, bến thủy nội địa vào khai thác, chủ cảng, bến thủy nội địa nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố hoạt động trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hệ thống dịch vụ công trực tuyến đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều 15 Nghị định này; |
| b) Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa;  | b) Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa; |
| c) Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa;  | c) Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa; |
| d) Đối với bến thủy nội địa: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa.  | d) Đối với bến thủy nội địa: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa.". |
| **Khoản 10 Điều 18 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP** | **4. Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 18 như sau:** |
| 10. Cơ quan công bố hoạt động cảng, bến thủy nội địa có trách nhiệm gửi quyết định công bố hoạt động cho chủ đầu tư, Cảng vụ đường thủy nội địa (sau đây gọi là Cảng vụ), Cảng vụ hàng hải (đối với cảng, bến thủy nội địa trong vùng nước cảng biển), Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cảng, bến thủy nội địa và tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký quyết định; cập nhật thông tin cảng, bến thủy nội địa đã được công bố trên phần mềm cơ sở dữ liệu cảng, bến thủy nội địa của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam. | "10. Cơ quan công bố hoạt động cảng, bến thủy nội địa có trách nhiệm gửi quyết định công bố hoạt động cho chủ đầu tư, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức, cá nhân có liên quan trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ký quyết định; cập nhật thông tin cảng, bến thủy nội địa đã được công bố trên phần mềm cơ sở dữ liệu cảng, bến thủy nội địa của Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.”. |
| **Khoản 4 Điều 20 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP** | **5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 20 như sau:** |
| 4. Trình tự công bố lại hoạt động  | "4. Trình tự công bố lại hoạt động: |
| a) Người khai quản lý thác cảng, bến nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc bằng hình thức phù hợp khác đến Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải;  | a) Việc công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa thực hiện theo trình tự công bố hoạt động cảng, bến thủy nội địa quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định này; |
| b) Đối với cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, bến thủy nội địa, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa; | b) Trường hợp thay đổi chủ cảng, bến thủy nội địa thì chủ mới của cảng, bến thủy nội địa phải đề nghị công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận cảng, bến thủy nội địa." |
| c) Đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa; |  |
| d) Trường hợp thay đổi chủ cảng, bến thì chủ mới của cảng, bến phải đề nghị công bố lại hoạt động cảng, bến thủy nội địa trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận cảng, bến thủy nội địa. |  |
|  | **6. Thay thế Mẫu số 13 và Mẫu số 16 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ bằng Mẫu số 13 và Mẫu số 16 ban hành kèm theo Nghị định này.** |
|  | **Điều 2. Quy định chuyển tiếp** |
|  | 1. Các văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính và các Quyết định công bố, công bố lại hoạt động bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục được thực hiện đến khi hết thời hạn quy định của văn bản. Hết thời hạn quy định của văn bản, các tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định tại Nghị định này. |
|  | 2. Các hồ sơ đề nghị thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính và các hồ sơ đề nghị công bố, công bố lại hoạt động bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện giải quyết theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ. |
|  | **Điều 3. Điều khoản thi hành** |
|  | 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày .... tháng .... năm 2023. |
|  | 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm hướng dẫn và thi hành Nghị định này./. |